

Bản án số: 17 /2021/HS-ST
Ngày 25 /01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Thẩm phán: Bà Trần Thị Mỹ Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Trần Huy Lợi

Ông: Ông Nguyễn Hồ Cảnh

Ông: Ông Hồ Viết Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Như Quỳnh – Thư ký Tòa án Nhân dân tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân Dân tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Trần Hiếu Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/01/2021, tại Trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh N đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 212/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2021, đối với các bị cáo có họ và tên như sau:

1. Nguyễn Thị T; giới tính: Nữ; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 6 năm 1967 tại huyện C, tỉnh N; nơi cư trú: xóm T, xã D, huyện C, tỉnh N; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 01/10; họ và tên cha: Nguyễn Văn N (đã chết) và tên mẹ: Bùi Thị C sinh năm 1940; Anh chị em ruột: có 09 anh em, bị cáo là con thứ 03; chồng: Trần Văn Đ (đã ly hôn); con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 28/10/2004 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh N xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày 03/01/2006.

- Ngày 24/4/2007 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh N xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày 25/8/2013.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/8/2020 đến nay hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N – Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thế A; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh ngày 19 tháng 5 năm 1988 tại huyện L, tỉnh N; nơi cư trú: xóm T, xã D, huyện C, tỉnh N; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 09/12; họ và tên cha: Trần Văn H sinh năm 1962 và tên mẹ: Nguyễn Thị A sinh năm 1969; mẹ kế: Trần Thị H sinh năm 1975; anh chị em ruột: có 03 anh em, bị can là con thứ nhất; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 24/9/2007 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh N xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt ngày 06/8/2008

- Ngày 23/7/2009 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh N xử phạt 08 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong hình phạt ngày 05/4/2015.

Bị can bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/8/2020 đến nay hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N – Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Anh Trần Văn T, sinh năm 1992; Trú tại: xóm T, xã D, huyện C, tỉnh N. có mặt

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T*: Bà Đinh Thị S, Văn phòng luật sư Thành Diệp và Cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh N. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 00^h40 ngày 12/8/2020 tại khu vực cổng khách sạn Sao Việt, thuộc khối Nam, xã D, huyện C, tỉnh N. Tổ công tác công an huyện C phát hiện bắt quả tang Trần Thế A (sinh năm 1988) trú xóm T, xã D, huyện C, tỉnh N thu giữ tại mặt đường sát vị trí đứng của Trần Thế A 01 gói nilong màu xanh bên trong chứa các viên nén màu hồng (nghi là ma túy); 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus. Trần Thế A khai nhận đó là ma túy (hồng phiến) Anh mua của Nguyễn Thị T trú xóm T, xã D, huyện C, tỉnh N mục đích sử dụng (BLHS 02-03).

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, đồng thời khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị T (sinh năm 1967) trú xóm Trung Thành, xã D, huyện C, tỉnh N thu giữ 01 hộp nhựa bên trong có 10 gói nilong chứa các viên nén màu hồng (nghi là ma túy); 01 điện thoại di động Nokia 105; 68.000.000đ (*Sáu mươi tám triệu đồng*)(BLHS 53-54).

Quá trình điều tra hành vi phạm tội của Nguyễn Thị T, Trần Thế A thể hiện như sau: Ngày 07/8/2020 Nguyễn Thị T từ nhà ở huyện C đi lên xã Tri Lễ, huyện Quê Phong để thăm con gái là Trần Thị Thảo. Khoảng 07^h00 ngày 08/8/2020 T đi chợ xã Tri Lễ, huyện Quê Phong thì gặp một người đàn ông dân tộc Mông (T quen biết trước đây, không rõ lai lịch địa chỉ). Người này nói với T “*Có mấy gói hồng phiến có lấy về bán không, sẽ để cho giá rẻ*”. T hỏi “*Giá bao nhiêu?*”, người này trả lời “*Một gói giá 1.200.000đ*”, T đồng ý và đặt mua 10 gói ma túy (hồng phiến)

với giá 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) mục đích về bán lại kiếm lời. Người này hẹn T khoảng 10^h cùng ngày quay lại chợ để nhận ma túy. Đúng hẹn T quay lại gặp người đàn ông dân tộc Mông đưa cho người này 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*), người này đưa cho T 01 gói giấy màu trắng, bên ngoài quấn băng keo màu vàng bên trong có 11 gói nilong (gồm 09 gói màu xanh, 02 gói màu hồng) chứa các viên ma túy (hồng phiến), người này nói với T “*Mua 10 gói thì cho thêm 01 gói*”. T nhận ma túy rồi đi về nhà con gái. Sáng ngày 09/8/2020 T cầm gói ma túy bắt xe khách về nhà tại xóm T, xã D, huyện C cất ma túy vào hộp nhựa màu trắng rồi giấu lên mái nhà. Khoảng 21^h00 ngày 11/8/2020 Trần Thế A sử dụng số điện thoại 0395.123.080 gọi đến số điện thoại 0357.375.301 của T đặt mua 01 gói ma túy (hồng phiến), T đồng ý bán với giá 5.000.000đ. T nói Anh đến nhà T ném tiền vào cổng nhà T. Anh bỏ 5.000.000đ vào vỏ bao thuốc lá Thăng Long đến nhà T ném tiền vào cổng. T lấy tiền rồi đem cất trong tủ. T đi lấy 01 gói ma túy (hồng phiến) cất giấu trên mái nhà rồi gói vào giấy vệ sinh màu trắng, T cầm gói ma túy ra đặt trước cổng nhà T. T gọi điện cho Anh nói quay lại cổng lấy ma túy. Anh đi đến cổng nhà T lấy gói ma túy đưa về nhà mở ra lấy 02 viên ma túy sử dụng, số còn lại Anh giấu trong túi quần. Đến 00^h30 ngày 12/8/2020, Trần Thế A đưa gói ma túy đến khách sạn Sao Việt tại Khôi Nam, xã Diên Hồng, huyện C, tỉnh N để thuê phòng sử dụng ma túy. Khi Anh đến trước cổng khách sạn Sao Việt thì gặp tổ công tác Công an huyện C, Anh lấy gói ma túy trong túi quần ra thả xuống dưới mặt đường ngay vị trí Anh đứng thì bị phát hiện, bắt quả tang thu giữ 01 gói nilong màu xanh bên trong chứa nhiều viên nén màu hồng (nghỉ là ma túy)(BLHS từ 132 đến 152; Từ 153 đến 178).

Tại kết luận giám định số 1180/KL-PC09(Đ2-MT) ngày 17/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận: “*Mẫu viên nén màu hồng thu giữ của Trần Thế A gửi tới giám định là ma túy (Methamphetamine). Các viên nén màu hồng (01 gói) thu giữ của Trần Thế A có tổng khối lượng là 19,5 gam (Mười chín phẩy năm gam)*”

Tại kết luận giám định số 1178/KL-PC09(Đ2-MT) ngày 17/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận: “*10 mẫu các viên nén màu hồng (ký hiệu từ M₁ đến M₁₀) thu giữ của Nguyễn Thị T đều là ma túy (Methamphetamine). Các viên nén màu hồng (10 gói) thu giữ của Nguyễn Thị T có tổng khối lượng là 201,1 gam (hai trăm linh một phẩy một gam)*”.

Vật chứng vụ án: Thu giữ 220,6 gam ma túy (Methamphetamine) (đã lấy 5,5 gam gửi giám định còn lại 215,1 gam); 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu vàng của Trần Thế A; 01 điện thoại di động Nokia 105 của Nguyễn Thị T hiện vật chứng được bảo quản tại Kho vật chứng Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Đối với số tiền 68.000.000đ (*Sáu mươi tám triệu đồng*) thu giữ khi khám xét chỗ ở của Nguyễn Thị T. Trong đó có 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) do T bán ma túy cho Trần Thế A mà có; Số tiền 63.000.000đ (*Sáu mươi ba triệu đồng*) của Trần Văn T (sinh năm 1992 là con trai T) gửi T cất giữ hiện được gửi bảo quản tại Kho bạc Nhà nước Nghệ An.

Tại Bản cáo trạng số 244/CT-VKS-P1 ngày 27/11/2021 của Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh N quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội "Mua bán trái phép

chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 và Trần Thế A về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự .

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh N giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản , khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thế A từ 05 đến 06 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”,

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp không có thu nhập khác nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo

Về vật chứng và án phí: Xử lý theo quy định pháp luật.

Luật sư Đinh Thị S bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T không tranh luận về tội danh, chứng cứ, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh N.

Bị cáo Nguyễn Thị T đồng ý với quan điểm bào chữa của Luật sư, không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Trần Thế A không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Anh Trần Văn T không tranh luận chỉ xin Hội đồng xét xử trả lại số tiền 63.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định và hành vi tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh N, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị T và Trần Thế A thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát Nhân Dân tỉnh N truy tố. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với kết luận giám định, các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa nên đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 21^h00 ngày 11/8/2020 tại xóm T, xã D, huyện C, tỉnh N, Nguyễn Thị T đã bán cho Trần Thế A 19,5 gam ma túy (Methamphetamine) với giá 5.000.000đ. Đến 00^h30 ngày 12/8/2020 Trần Thế A đến khách sạn Sao Việt tại Khối Nam, xã Diên Hồng, huyện C, tỉnh N để thuê phòng sử dụng ma túy thì bị Công an huyện C phát hiện bắt quả tang. Khám xét chỗ ở của Nguyễn Thị T thu giữ 201,1 gam ma túy (Methamphetamine) cất giấu nhằm bán kiếm lời. Nguyễn Thị T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán trái phép 220,6 gam ma túy (Methamphetamine); Trần Thế A phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tàng trữ trái phép 19,5 gam ma túy (Methamphetamine).

Như vậy, đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251; bị cáo Trần Thế A phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh N truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị T, Trần Thế A đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Đối bị cáo Nguyễn Thị T có bố mẹ, thờ cúng liệt sỹ Trần Văn An, năm 2018 bị cáo T giúp cứu người đuối nước là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[3] Xét hành vi, tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước Việt Nam đối với chất ma túy, vì ma túy là nguồn gốc sâu xa làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi và thỏa mãn con nghiện của mình nên vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và đề phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: Ma túy là vật Nhà nước độc quyền quản lý, cấm lưu hành nên phải tịch thu tiêu hủy. Điện thoại là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Số tiền 68.000.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị T tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000 đồng tiền bán ma túy cho Trần Thế A; số tiền còn lại 63.000.000 đồng là của anh Trần Văn T con trai bị cáo Nguyễn Thị T không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên trả lại cho anh Trần Văn T.

[6] Đối với người đàn ông dân tộc Mông là người bán ma túy cho Nguyễn Thị T. Do T không biết rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể của người này nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh, làm rõ xử lý trong vụ án nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thời hạn tù tính từ ngày 12/8/2020;

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thế A 07 (bảy) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 12/8/2020.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 215,1 gam Methamphetamine (gồm 196,1gam thu giữ của T và 19 gam thu giữ của Trần Thế A).

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu vàng của Trần Thế A; 01 điện thoại di động Nokia 105.

Đối với số tiền 68.000.000đ thu giữ tại nhà Nguyễn Thị T: Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000đ; Trả lại cho anh Trần Văn T số tiền 63.000.000 đồng.

Đặc điểm tình trạng các vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N và Cục thi hành án dân sự tỉnh N ngày 01/12/2010; Còn số tiền thu giữ tại nhà Nguyễn Thị T đã nộp tại Kho bạc Nhà

nước tỉnh N theo Biên bản giao nhận ngày 03/12/2020 giữa Kho bạc Nhà nước tỉnh N và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Nguyễn Thị T và Trần Thế A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh N;
- Trại tạm giam Công an Nghệ An;
- Cơ quan CSĐT Công an Nghệ An;
- Sở Tư pháp Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh N;
- Bị cáo; Người liên quan;
- Người bào chữa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải Minh